

Số: 360-26/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học dân lập Công nghệ Sài Gòn sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-DSG-HĐT ngày 13/07/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

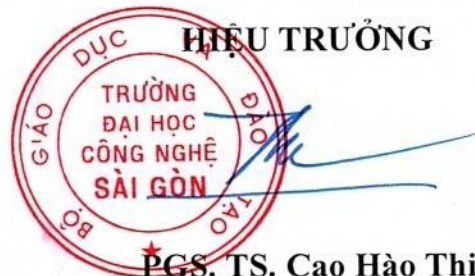
Điều 2. Quy chế này áp dụng kể từ khóa tuyển sinh năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 195-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 26/03/2025 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học.

Điều 4. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu P. HC-NS-PC;
- Lưu: P.ĐT, HV (5).✓



QUY CHẾ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số 360-26/QĐ-DSG-ĐT ngày 05/06/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ xây dựng quy chế, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, liên thông đại học được xây dựng dựa trên cơ sở:
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026;
 - Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 20/11/2025 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026;
 - Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 15/11/2025 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026;
 - Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;
 - Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (sau đây gọi là Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT).
- 1.2. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học và tuyển sinh liên thông đại học cho các hình thức đào tạo; quy định cụ thể về tổ chức thi phục vụ tuyển sinh, xét tuyển đào tạo hình thức chính quy.
- 1.3. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn; trong đó, quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và chế tài xử lý khi để xảy ra vi phạm.
- 1.4. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ khi Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn ký quyết định ban hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT và theo quy định của trường.

2.1. Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn trong Quy chế này được ghi tắt là Nhà trường; hay Trường.

2.2. Các từ rút gọn – viết tắt và diễn giải

Nội dung	Viết tắt
Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GDĐT
Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở GDĐT
Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT	HTTS Bộ GDĐT
Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Công TTTS Bộ GDĐT
Công Dịch vụ công quốc gia	Công DVC công QG
Ủy ban Nhân dân	UBND

Nội dung	Viết tắt
Saigon Technology University	STU
Mã tuyển sinh của trường	DSG
Ban Đảm bảo Chất lượng giáo dục	B.DBCLGD
Ban Thanh tra Giáo dục	B.TTGD
Phòng Công tác Sinh viên	P.CTSV
Phòng Đào tạo	P.ĐT
Phòng Hành chính – Nhân sự – Pháp chế	P.HCNSPC
Phòng Kế hoạch Tài chính	P.KHTC
Phòng Quản lý Khoa học và Sau đại học	P.QLKH&SDH
Khoa Khoa học Cơ bản	K.KHCB
Khoa Cơ khí	K.CK
Khoa Điện – Điện tử	K.ĐĐT
Khoa Công nghệ Thông tin	K.CNTT
Khoa Công nghệ Thực phẩm	K.CNTP
Khoa Kinh tế - Quản trị	K.KTQT
Khoa Xây dựng	K.XD
Khoa Design	K.DESIGN
Hội đồng tuyển sinh	HĐTS
Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	Ban TK HĐTS
Văn phòng tuyển sinh	VPTS
Tổ chức thi	TCT
Tổ xét tuyển	TXT
Tổ Công nghệ thông tin	TCNTT
Tổ Tư vấn tuyển sinh	TTVTS
Tổ Hậu cần	THC
Tiến sĩ	TS
Phó Giáo sư	PGS
Giáo sư	GS
Thành phố Hồ Chí Minh, hay Tp. Hồ Chí Minh	TP.HCM
Mức điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên	ĐƯT, DUT; Điểm UT
Điểm ưu tiên đối tượng	ĐƯT_ĐT; DTC_DT
Điểm ưu tiên khu vực	ĐƯT_KV; DTC_KV
Điểm tổng xét không ưu tiên (chưa cộng điểm, chưa tính điểm ưu tiên)	DTC_KoUT; DTC_KoUT
Điểm tổng xét có ưu tiên (đã cộng điểm, đã tính điểm ưu tiên)	DTC_CoUT; DTC_CoUT
Điểm môn 01	ĐM_01; DM1
Điểm môn 02	ĐM_02; DM2
Điểm môn 03	ĐM_03; DM3
Điểm môn 04	ĐM_04; DM4
Điểm tổng cộng	ĐTC; DTC
Đánh giá năng lực	ĐGNL; DGNL
Đại học Quốc gia	DHQG; DHQG
Đăng ký xét tuyển	ĐKXT
Nguyện vọng xét tuyển	NVXT; NV
Nguyện vọng 1, Nguyện vọng 01	NV01
Nguyện vọng bổ sung	NVBS
Trung học phổ thông	THPT
Trung học nghề	THN
Cao đẳng nghề	CDN; CĐN
CTĐT	CTĐT, CTĐT

2.3. Trong văn bản này, các thuật ngữ khác thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành (sau đây gọi chung là CTĐT) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định. Phạm vi tuyển sinh quy định trong quy chế này là Tuyển sinh đại học chính quy, vừa làm vừa học; tuyển sinh liên thông đại học chính quy, vừa làm vừa học đối với tất cả các ngành đào tạo được phép mở ngành trong từng đợt, từng phương thức tuyển sinh cụ thể.
- (b) Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung; là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.
- (c) Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.
- (d) Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh một cơ sở đào tạo; phân hiệu hoặc đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo có bộ máy quản lý được lập mã tuyển sinh riêng. Mã trường đăng ký tuyển sinh của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là DSG.
- (e) Mã xét tuyển là một mã quy ước định danh của một chương trình (hoặc một ngành hoặc một nhóm ngành hoặc lĩnh vực hoặc cơ sở đào tạo) sử dụng thống nhất trong một cơ sở đào tạo, phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo. Mã xét tuyển do cơ sở đào tạo tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ. Mã xét tuyển của trường được quy ước là: "DH_" hoặc "LT_" và mã ngành của chương trình.
- (f) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hằng năm.
- (g) Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.
- (h) Kỳ thi độc lập là kỳ thi được thiết kế và tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển.
- (i) Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; cơ sở đào tạo tổ chức kỳ thi quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.
- (j) Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.
- (k) Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.
- (l) Phương thức tuyển sinh là việc cơ sở đào tạo sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một CTĐT.
- (m) Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của CTĐT tương ứng (sau đây gọi là độ lệch điểm).
- (n) Tiêu chí đánh giá là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của CTĐT.

TR
ĐẠI
CỘNG
HÒA
SÀI
GÒN

- (o) Tiêu chí xét tuyển là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét tuyển) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).
- (p) Trọng số tính điểm xét của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.
- (q) Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào CTĐT của một cơ sở đào tạo, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).
- (r) Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành CTĐT.
- (s) Điểm ưu tiên là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.
- (t) Điểm cộng do cơ sở đào tạo xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào CTĐT bao gồm:
- Điểm thưởng dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0,00 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;
 - Điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0,00 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;
 - Điểm khuyến khích dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0,00 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.
- (u) Xét tuyển thẳng là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.
- (v) Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại trường, hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một CTĐT theo các tiêu chí xét tuyển do nhà trường xác định căn cứ theo quy định của Quy chế này.
- (w) Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
- (x) Điểm trúng tuyển của một CTĐT là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào CTĐT đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

2.4. Một số khái niệm sử dụng trong tuyển sinh tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

- (a) Tổ hợp xét tuyển được hiểu là tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo.
- (b) Điểm xét tuyển
- ĐTC_KoUT Điểm tổng xét không ưu tiên (chưa cộng điểm, chưa tính điểm ưu tiên) Điểm số để xét tuyển được tính từ kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá của thí sinh theo phương thức và tổ hợp xét tuyển; điểm này chưa cộng, chưa tính điểm ưu tiên.
 - ĐTC_CoUT Điểm tổng xét có ưu tiên (đã cộng, đã tính điểm ưu tiên theo quy định) Điểm số để xét tuyển được tính từ kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá của thí sinh theo phương thức, tổ hợp xét tuyển; điểm này đã cộng, đã tính điểm ưu tiên.

- (c) Cổng Thông tin tuyển sinh đại học của Trường là giao diện web của Hệ thống phần mềm hỗ trợ công tác tuyển sinh, đăng ký xét tuyển vào trường (viết tắt là Cổng TT TSDH STU)
- Công bố thông tin về Thông tin tuyển sinh;
 - Thông báo tuyển sinh; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn); quy trình xét tuyển; lịch tuyển sinh;
 - Đăng ký xét tuyển;
 - Công bố kết quả xét tuyển; quyết định điểm chuẩn;
 - Thông báo trúng tuyển; tra cứu kết quả xét tuyển;
 - Hướng dẫn thí sinh làm thủ tục trúng tuyển và nhập học; kế hoạch khai giảng khóa mới;
 - Thông báo về học phí, học bổng, bảo hiểm y tế; thông báo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; thông báo và hướng dẫn thủ tục đăng ký lưu trú ký túc xá;
 - Các biểu mẫu và bảng biểu sử dụng trong xét tuyển, nhập học;
 - Ngoài ra, Cổng TT TSDH STU còn cung cấp một số thông tin khác liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy định.
- (d) Cổng Công khai Thông tin tuyển sinh của trường (viết tắt là Cổng Công khai TTTS) là giao diện web được sử dụng để công khai thông tin liên quan đến Thông tin tuyển sinh hàng năm:
- Thông tin về danh mục ngành đào tạo; quyết định cho phép mở ngành đào tạo;
 - Các điều kiện đảm bảo chất lượng: Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng CTĐT; quy mô đào tạo; cơ sở vật chất trang thiết bị; đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng;
 - Tình hình việc làm của người học tốt nghiệp sau thời gian 01 năm;
 - Thông tin tuyển sinh của trường trong 02 năm liền kề gần nhất;
 - Và, một số thông tin công khai khác theo quy định.
- (e) Hệ thống phần mềm hỗ trợ tuyển sinh của Trường:
- Nhập hồ sơ đăng ký xét tuyển;
 - Xét tuyển, xét trúng tuyển, gọi trúng tuyển, in giấy báo kết quả;
 - Xuất danh sách thí sinh xét tuyển, trúng tuyển;
 - Tiếp sinh, đánh dấu thí sinh nộp hồ sơ nhập học, in biên lai hồ sơ nhập học; lập danh sách thiếu hồ sơ cần bổ sung.
- (f) Bên cạnh công tác tuyển sinh, xét tuyển, nhà trường còn tổ chức thực hiện công tác truyền thông, hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh. Nhà trường tổ chức các Ban công tác do các đơn vị chuyên trách. Công tác này được thực hiện thường xuyên, phục vụ cho công tác tuyển sinh và hướng nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT

3.1. Công bằng đối với thí sinh

- (a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh.
- (b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc, do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.
- (c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;
- (d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;
- (e) Về thực hiện cam kết: Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

3.2. Bình đẳng giữa nhà trường và các cơ sở đào tạo khác

- (a) Về hợp tác: Trường và các cơ sở đào tạo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;
- (b) Về cạnh tranh: Trường và các cơ sở đào tạo khác cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3.3. Minh bạch đối với xã hội

- (a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát việc thực hiện công tác tuyển sinh của nhà trường;
- (b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh (nếu có).

Điều 4. Yêu cầu chung

Thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

- 4.1. Nhà trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.
- 4.2. Nhà trường thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của CTĐT; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào cơ sở đào tạo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.
- 4.3. Trường có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT

- 5.1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:
 - (a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
 - (b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- 5.2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - (a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này đối với CTĐT đăng ký dự tuyển, trừ các đối tượng tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, e), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này;
 - (b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - (c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của nhà trường.
- 5.3. Nhà trường bổ sung quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh và phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này. Những quy định này sẽ được ghi và thông báo rõ trong Thông tin tuyển sinh của nhà trường.
- 5.4. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các CTĐT phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh. Điều này sẽ được Hội đồng Tuyển sinh trường xem xét hồ sơ, nhận tư vấn của chuyên gia (nếu có) và quyết định. Nhà trường sẽ thực hiện việc tư vấn cho thí sinh trước khi thí sinh quyết định nhập học.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT

- 6.1. Nhà trường sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh không bao gồm xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học.
- 6.2. Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét, điều kiện trúng tuyển trong đó:
- Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học CTĐT;
 - Phương thức xét tuyển không thể hiện được yêu cầu ở điểm a khoản này thì người dự tuyển phải có kết quả học tập tối thiểu 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn học phù hợp với yêu cầu đầu vào của CTĐT trừ trường hợp xét tuyển vào các ngành ngôn ngữ hoặc sư phạm ngoại ngữ;
 - Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;
 - Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 của Quy chế này).
- 6.3. Nguồn xét tuyển vào CTĐT trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026; Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, e), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.
- 6.4. Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học, cơ sở đào tạo xây dựng và công bố bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ và điểm xét môn ngoại ngữ:
- Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và điểm xét môn ngoại ngữ xây dựng phải có tối thiểu 05 mức điểm chênh lệch ứng với thang điểm của chứng chỉ sử dụng;
 - Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ khác và điểm xét môn ngoại ngữ tương ứng do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng Tuyển sinh trường;
 - Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được rà soát, điều chỉnh tối thiểu 02 năm một lần trên cơ sở đối sánh kết quả học tập thực tế của sinh viên trúng tuyển áp dụng từ năm 2026;
 - Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.
- 6.5. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:
- Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;
 - Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), nhà trường có thể quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ. Việc quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ sẽ được nhà trường công bố trong Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường.

(c) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

6.6. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- (a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của CTĐT;
- (b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), nhà trường có thể quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

6.7. Đối với một CTĐT có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc kết hợp các phương thức tuyển sinh hoặc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hoặc tổ hợp xét tuyển khác:

- (a) Nhà trường xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của CTĐT;
- (b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

6.8. Nhà trường chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

6.9. Việc tuyển sinh của các CTĐT đặc thù, đào tạo đặt hàng theo các đề án, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo đề án.

6.10. Kết thúc năm tuyển sinh, Phòng Đào tạo tổng hợp kết quả tuyển sinh, thống kê số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển, trúng tuyển và nhập học theo phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển; theo chương trình và ngành đào tạo; từ đó lựa chọn, dự kiến, đề xuất phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển cho năm tuyển sinh sắp tới.

6.11. Trong giai đoạn gần sắp tới, nhà trường ưu tiên sử dụng phương thức xét tuyển đối với tuyển sinh đại học và liên thông đại học. Trường hợp trường tổ chức thi tuyển sinh thì cần chuẩn bị và thông báo trước tối thiểu 03 tháng (90 ngày) trước thời hạn đăng ký dự tuyển. Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế thi tuyển sinh và đề án tổ chức thi. Việc tổ chức thi tuân thủ các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Trường.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

7.1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục 01 của Quy chế này:

- (a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;
- (b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;
- (c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục 02 của Quy chế này:

- (a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;
- (b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;
- (c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.}$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

8.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các CTĐT do cơ sở đào tạo quy định.

8.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào CTĐT phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- (a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- (b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của CTĐT. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;
- (c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- (d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;
- (e) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;
- (f) Việc xét tuyển thẳng hoặc không được xét tuyển thẳng các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, e của khoản này do nhà trường quyết định.

8.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

8.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của CTĐT do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- (a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của CTĐT phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;
- (b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của CTĐT phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.
- (c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;
- (d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số CTĐT do nhà trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

8.5. Nhà trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho các trường hợp sau đây:

- (a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các CTĐT theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;
- (b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào CTĐT phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;
- (c) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;
- (d) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các CTĐT nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- (e) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các CTĐT phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

8.6. Nhà trường quy định cụ thể và công bố trong thông tin tuyển sinh hàng năm: kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, CTĐT để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các CTĐT chính quy và thường xuyên

Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

9.1. Ngưỡng đầu vào đối với CTĐT lĩnh vực pháp luật sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề được quy định hằng năm theo quy định của Bộ GDĐT. Bộ trưởng Bộ GDĐT, chủ trì, phối hợp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định ngưỡng đầu vào đối với CTĐT thuộc lĩnh vực pháp luật.

9.2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với CTĐT thuộc lĩnh vực pháp luật áp dụng khoản 1 Điều này; hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 08,50 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại quy chế này.

9.3. Thí sinh đã từng đạt huy chương tại các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 09,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng

ký xét tuyển vào các CTĐT phù hợp (Thiết kế Mỹ thuật, Kiến trúc, Quy hoạch kiến trúc, ...) không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

9.4. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học thuộc lĩnh vực pháp luật được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào theo một trong các tiêu chí sau:

- (a) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;
- (b) Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- (c) Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
- (d) Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

9.5. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, nhà trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các CTĐT và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn CTĐT. Đối với ngưỡng đầu vào CTĐT thuộc lĩnh vực pháp luật ngưỡng đầu vào do nhà trường xác định không được thấp hơn quy định tại Điều này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

Thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

10.1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- (a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- (b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

10.2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới nhà trường trong thời gian gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do cơ sở đào tạo quy định, nhưng không quá 36 tháng đối với người quy định tại khoản 1 Điều này.

10.3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của nhà trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu 36 tháng, Hiệu trưởng nhà trường xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin Tuyển sinh (trước năm 2025 gọi là Đề án tuyển sinh)

Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

11.1. Nhà trường xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- (a) Cung cấp đủ thông tin để thí sinh lựa chọn trường, CTĐT, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của nhà trường;
- (b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát được việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của nhà trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

11.2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

- (a) Giới thiệu về nhà trường, CTĐT tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành CTĐT, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn;
- (b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;
- (c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các CTĐT; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học CTĐT của nhà trường đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành, ngành có nhiều CTĐT cùng một mức điểm trúng tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;
- (d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của nhà trường.

11.3. Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại thông tin tuyển sinh (Phụ lục 04) phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Bộ GDĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương 2. XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

12.1. Bộ GDĐT ban hành kế hoạch tuyển sinh chung để nhà trường và các cơ sở đào tạo phối hợp triển khai các quy trình sau đây:

- (a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- (b) Tổ chức xét tuyển tại trường theo quy định của Quy chế;
- (c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại trường);
- (d) Thí sinh xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học tại trường.

12.2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

Thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

13.1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, nhà trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển.

13.2. Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

13.3. Thí sinh đã trúng tuyển vào trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn CTĐT đã trúng tuyển thẳng tại một trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

13.4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

13.5. Hiệu trưởng không yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống

Thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

14.1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo. Thời gian đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

14.2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

14.3. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các CTĐT, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất. Các CTĐT giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

14.4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

- (a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);
- (b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường); mã trường của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là DSG;
- (c) Lựa chọn CTĐT (mã xét tuyển).

14.5. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do nhà trường quy định.

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

15.1. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên Hệ thống.

15.2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề), kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (trung học nghề), điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề), kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

15.3. Nguyên tắc xét tuyển:

- (a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng CTĐT phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;
- (b) Đối với một CTĐT, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;
- (c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;
- (d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

- (e) Nhà trường có thể quy định các tiêu chí phụ khác làm điều kiện cần để xét tuyển và không sử dụng làm tiêu chí phân loại thí sinh ở điểm c, khoản này.

15.4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, nhà trường tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển CTĐT (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Nhà trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

15.5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, nhà trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, nhà trường quyết định điểm trúng tuyển vào các CTĐT (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, nhà trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các CTĐT theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

Điều 16. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

16.1. Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các CTĐT theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên trang thông tin điện tử của trường; giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

16.2. Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học và có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

16.3. Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi, cùng thời điểm thí sinh nhập học tại trường trong thời hạn quy định.

16.4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- (a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và trường có quyền không tiếp nhận;
- (b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);
- (c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

16.5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cho phép.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

17.1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của CTĐT và số thí sinh trúng tuyển, hoặc trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào CTĐT, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các CTĐT theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

17.2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của nhà trường.

17.3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các CTĐT theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học. Nhà trường không gửi giấy báo (bản cứng) qua đường bưu điện mà thông báo, công bố giấy báo trúng tuyển (giấy báo điện tử) của thí sinh trên Trang Tra cứu kết quả xét tuyển. Thí sinh tra cứu, tải file giấy báo trúng tuyển (pdf) và thực hiện theo hướng dẫn ghi trên giấy báo điện tử.

17.4. Nhà trường có thể công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh của nhà trường công bố trong tuyển sinh đợt 1; việc xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

Chương 3. TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH

Điều 18. Nhà trường tổ chức thi

18.1. Các kỳ thi phục vụ xét tuyển do nhà trường tự tổ chức, hoặc do một nhóm trường hợp tác tổ chức và giao một trường chủ trì.

18.2. Khi tổ chức thi, nhà trường phải bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức kỳ thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả; cụ thể như sau:

- (a) Phải có bộ phận chuyên trách công tác khảo thí đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi;
- (b) Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ chức thi phải đủ số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn phù hợp để bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong từng quy trình của công tác thi;
- (c) Các quy trình và phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia phải đầy đủ, rõ ràng và hiệu quả, bảo đảm tính độc lập, khách quan giữa các khâu và các bộ phận; có biện pháp hiệu quả chống gian lận và lạm dụng;
- (d) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm phải phù hợp với quy mô và hình thức tổ chức thi, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi, bao gồm cả yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh, chống gian lận trong kỳ thi;
- (e) Trường hợp tổ chức thi trực tuyến phải thực hiện đầy đủ biện pháp để bảo đảm kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với hình thức thi trực tiếp, đồng thời toàn bộ diễn biến của buổi thi được ghi hình, ghi âm và lưu trữ.

18.3. Đề tổ chức thi, nhà trường phải xây dựng quy chế thi và đề án tổ chức thi (có thể tích hợp trong Thông tin tuyển sinh), công bố trên trang thông tin điện tử của trường đồng thời gửi về cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ GDĐT để báo cáo ít nhất 30 ngày trước khi thí sinh bắt đầu đăng ký dự thi.

18.4. Khi tổ chức thi, nhà trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác trước, trong và sau kỳ thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi, việc triển khai đề án tổ chức thi, và công bố phổ điểm chi tiết làm căn cứ cho việc xác định quy tắc quy đổi tương đương với kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Điều 19. Đề thi

19.1. Đề thi phải được xây dựng theo đề cương. Đề cương đề thi (bao gồm cấu trúc và dạng thức đề thi, phạm vi và tiêu chí đánh giá) phải thể hiện được yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí

sinh cần có để học tập thành công ở trình độ đào tạo. Đề cương đề thi phải được công bố cho thí sinh ít nhất 30 ngày trước ngày thi.

19.2. Cấu trúc đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập phải chứa thành phần của nội dung môn toán hoặc môn ngữ văn cùng với ít nhất hai môn học khác trong chương trình cấp THPT phù hợp với yêu cầu của nhóm ngành, ngành đào tạo; các nội dung đưa vào đề thi phải phù hợp với những quy định của pháp luật về giáo dục và văn hóa.

19.3. Phạm vi đánh giá của đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập bám sát và không vượt quá phạm vi kiến thức chương trình THPT hiện hành; riêng phạm vi đánh giá của kỳ thi bổ trợ dựa trên yêu cầu về tài năng, năng khiếu hoặc phẩm chất đặc biệt của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá phải dựa trên các cấp độ năng lực, tư duy; phân loại được năng lực của thí sinh, đáp ứng mức độ phù hợp của thí sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo thuộc phạm vi tuyển sinh.

19.4. Đề thi được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa đủ lớn, hoặc được xây dựng mới theo quy trình bảo mật tuyệt đối. Trong trường hợp tổ chức nhiều đợt thi, hoặc một đợt thi có nhiều đề thi thì các đề thi phải bảo đảm tính tương đương. Câu hỏi thi phải được diễn đạt rõ ràng, không đa nghĩa.

19.5. Đề thi phải được một hội đồng ra đề thi chịu trách nhiệm xây dựng và phải được một hội đồng thẩm định đề thi chịu trách nhiệm thẩm định. Tổ chức và hoạt động của hội đồng ra đề thi và hội đồng thẩm định đề thi phải độc lập với nhau và độc lập với các nhóm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (nếu có).

Điều 20. Quy chế thi

20.1. Quy chế thi phải được Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường thông qua và được Hiệu trưởng ký ban hành, làm căn cứ để tổ chức thực hiện các công tác trước, trong và sau kỳ thi, tuân thủ những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của quy chế này.

20.2. Nội dung của quy chế thi phải bao gồm những quy định về:

- (a) Phạm vi tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự thi;
- (b) Đề cương đề thi và hình thức thi;
- (c) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia (chuẩn bị cho kỳ thi, tổ chức đăng ký dự thi, làm đề thi, coi thi, chấm thi...);
- (d) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;
- (e) Chế độ công khai, báo cáo và lưu trữ;
- (f) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

20.3. Quy chế thi phải được tập huấn cho tất cả những người tham gia công tác thi và phổ biến đầy đủ cho thí sinh dự thi.

Điều 21. Đề án tổ chức thi

21.1. Đề án tổ chức thi do Hiệu trưởng ký ban hành, thể hiện trách nhiệm giải trình và những cam kết của nhà trường đối với cơ quan quản lý nhà nước, thí sinh và toàn xã hội về mục đích và các điều kiện bảo đảm chất lượng của kỳ thi; đáp ứng những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của quy chế này.

21.2. Đề án tổ chức thi bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Mục đích, tính chất của kỳ thi (kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hay kỳ thi bổ trợ);
- (b) Kế hoạch tổ chức thi và danh sách các cơ sở đào tạo hợp tác hoặc đã công bố sử dụng kết quả thi;
- (c) Thông tin và minh chứng cho việc đáp ứng đầy đủ năng lực tổ chức thi theo quy định tại quy chế này;

- (d) Nội dung quy chế thi (dưới dạng phụ lục hoặc đường dẫn tới tài liệu trên trang thông tin điện tử của trường);
- (e) Hướng dẫn cụ thể cho thí sinh thực hiện các quy trình đăng ký dự thi và tham gia thi, trong đó có quy định mức thu dịch vụ tổ chức thi.

21.3. Đề án tổ chức thi có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai, nhưng không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm cơ hội tiếp cận kỳ thi thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Chương 4. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Điều 22. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học

22.1. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; riêng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được nhà trường quy định và thông báo trong Thông tin tuyển sinh của trường.

22.2. Đối tượng tuyển sinh:

- (a) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng: Thực hiện theo Điều 5 của quy chế này.
- (b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thực hiện theo phương thức tuyển sinh ghi tại Khoản 28.3 Điều 28 của quy chế này. Các nội dung khác do trường quy định, thông tin rõ trong Thông tin tuyển sinh, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình.

22.3. Phương thức tuyển sinh gồm: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Nếu sử dụng phương thức thi tuyển thì thực hiện theo quy định sau:

- (a) Quy định rõ bài thi/môn thi; ban hành quy chế thi tuyển sinh của trường, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo; công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và gửi về Bộ GDĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra;
- (b) Nội dung quy chế thi tuyển sinh của trường bao gồm: Quy trình tổ chức và các quy định về chuẩn bị cho kỳ thi; tổ chức đăng ký dự thi; công tác đề thi; coi thi; chấm thi; phúc khảo; chấm thẩm định; chế độ báo cáo và lưu trữ; thanh tra; xử lý các sự cố bất thường và xử lý vi phạm;

22.4. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do trường quy định và chịu trách nhiệm giải trình.

Chương 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

23.1. Trách nhiệm của thí sinh

- (a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các cơ sở đào tạo và của nhà trường; không đăng ký nguyện vọng vào những CTĐT hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;
- (b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;
- (c) Đồng ý để nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;
- (d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập của các cơ sở đào tạo hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;
- (e) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của trường.

23.2. **Trách nhiệm của các trường THPT, trường trung học nghề và các đơn vị khác liên quan đến thí sinh thuộc phạm vi phụ trách.**

Bộ GDĐT quy định trách nhiệm của các trường THPT, trường trung học nghề và các đơn vị khác liên quan đến thí sinh thuộc phạm vi phụ trách như sau:

- (a) Tổ chức rà soát, kiểm tra, bổ sung, cập nhật thông tin cá nhân, dữ liệu kết quả học tập cấp THPT của thí sinh trên Hệ thống;
- (b) Kiểm tra dữ liệu, hướng dẫn thí sinh khai đúng thông tin cá nhân, thông tin khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có);
- (c) Hỗ trợ việc đăng ký nguyện vọng cho những thí sinh không có điều kiện đăng ký trực tuyến;
- (d) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc xác nhận kết quả học tập cấp THPT cho những thí sinh dự tuyển.

23.3. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống

Khoản này được Bộ GDĐT quy định như sau:

- (a) Quản lý cơ sở dữ liệu xét tuyển chung toàn quốc, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành;
- (b) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo tổ chức xét tuyển;
- (c) Xây dựng, duy trì và vận hành Hệ thống để hỗ trợ thí sinh và cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh;
- (d) Kết nối Hệ thống với Công dịch vụ công quốc gia.

Điều 24. Trách nhiệm của nhà trường

24.1. Xây dựng quy chế tuyển sinh riêng của từng cơ sở (nếu có hơn 02 cơ sở trở lên) để cụ thể hóa những quy định của Quy chế này cho các hình thức đào tạo, công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

24.2. Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của nhà trường.

24.3. Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh của nhà trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của trường theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

24.4. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, nhà trường phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về CTĐT tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GDĐT.

24.5. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Đối với cơ sở đào tạo tổ chức các kỳ thi phục vụ xét tuyển đại học phải bảo quản danh sách phòng thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

24.6. Nhà trường sử dụng kết quả kỳ thi độc lập để xét tuyển đại học phải có trách nhiệm thực hiện việc đối sánh với kết quả học tập của sinh viên hằng năm và sau 03 năm liên tiếp áp dụng từ năm 2026 với các tiêu chí: kết quả học tập và thời gian học tập của người trúng tuyển nếu sử dụng phương thức xét tuyển độc lập.

Điều 25. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường:

25.1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn theo quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 27 của quy chế này.

25.2. Thành phần của HĐTS trường:

- (a) Thành phần của HĐTS của trường gồm có:

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
 - Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
 - Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo;
 - Các Ủy viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin;
- (b) Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

25.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

- (a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- (b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- (c) Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- (d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- (e) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan quản lý trực tiếp.

25.4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- (a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- (b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- (c) Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho HĐTS trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng Ban chuyên môn phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

25.5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 26. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường

26.1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- (a) Trưởng ban do ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;
- (b) Các ủy viên: Cán bộ, chuyên viên Phòng Đào tạo, khoa, phòng liên quan và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

26.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS đối với trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi THPT để sơ tuyển, xét tuyển:

- (a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định để thực hiện xét tuyển;
- (b) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- (c) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- (d) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;
- (e) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định;
- (f) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

26.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS đối với trường hợp không sử dụng kết quả kỳ thi THPT để sơ tuyển, xét tuyển:

- (a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

- (b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này và các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định tại Quy chế thi tuyển sinh của trường;
- (c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

26.4. Ban Thư ký HĐTS làm việc tại Văn phòng Tuyển sinh trường.

Điều 27. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển

27.1. Các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban làm phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo. Đối với Ban đề thi, Trưởng ban do lãnh đạo trường đảm trách, lãnh đạo đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức thi là ủy viên thường trực.

27.2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển và Ban thư ký được quy định tại Quy chế thi tuyển sinh do hiệu trưởng ký ban hành trước mỗi kỳ thi.

Điều 28. Hội nghị Tổng kết công tác tuyển sinh

28.1. Cuối tháng 12 hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh của năm, lập bản dự thảo kế hoạch tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh năm kế tiếp. Hội nghị có sự tham gia của lãnh đạo nhà trường và đại diện các đơn vị.

28.2. Các đơn vị chức năng được phân công làm công tác tuyển sinh phải báo cáo công việc đã thực hiện trong năm tuyển sinh, trình bày dự thảo kế hoạch và phương hướng công tác trong năm kế tiếp. Hội nghị tổ chức thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo Thông tin tuyển sinh.

28.3. Trên cơ sở quy chế tuyển sinh hiện hành, năng lực của nhà trường và những ý kiến thu thập được trong hội thảo. Phòng Đào tạo xây dựng dự thảo Thông tin tuyển sinh, lấy ý kiến của Hội đồng Tuyển sinh và trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh phê duyệt.

28.4. Đề án có thể được cập nhật hiệu chỉnh khi cần thiết nhằm đáp ứng kế hoạch tuyển sinh chung, tình hình tuyển sinh của nhà trường và thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Việc điều chỉnh, bổ sung Thông tin tuyển sinh không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm đi cơ hội tiếp cận việc tuyển sinh thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Điều 29. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

- 29.1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- 29.2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 30. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Điều 22 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

30.1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

30.2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

30.3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

30.4. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của trường; không phải là công chức, viên chức, Hiệu trưởng có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

30.5. Trường vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan của cơ sở đào tạo vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Hào Thi

PHỤ LỤC 01
KHU VỰC ƯU TIÊN

(Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

V
G
H
N
O

PHỤ LỤC 02
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a. Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b. Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a. Thân nhân liệt sĩ; b. Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d. Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; e. Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a. Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b. Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a. Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b. Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a. Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b. Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c. Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.



PHỤ LỤC 03
THÔNG TIN TUYỂN SINH

(Thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ

Đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM¹

(Hình thức đào tạo:²)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:**
2. **Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:**
3. **Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:**
5. **Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
6. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**
7. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³** (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. **Đối tượng, điều kiện dự tuyển**
2. **Mô tả phương thức tuyển sinh⁴** (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
3. **Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
4. **Số lượng tuyển sinh**
(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp ...) - Phương thức 2 ... - Phương thức 3 ...	
2.							
3.							
...							

C
TR
ĐẠI
NG
ĐẠI
★

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- b. Điểm cộng
- c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- d. Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.												
2.												
3.												
...												

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

¹ Thông tin tối thiểu, cơ sở đào tạo bổ sung các thông tin khác của CSĐT (nếu cần).

² Chính quy/đào tạo thường xuyên (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công khai các thông tin về hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

^{5,6} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

PHỤ LỤC 04
THÔNG TIN TUYỂN SINH CẬP NHẬT

(Thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT)

CƠ QUAN QUẢN LÝ
Đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM CẬP NHẬT
(Hình thức đào tạo:)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:
5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh³ (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
2. Số lượng tuyển sinh cập nhật
(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp ...) - Phương thức 2 ... - Phương thức 3 ...	
2.							
3.							
...							

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

